

**UBND PHƯỜNG MƯỜNG THANH
TRƯỜNG THCS NAM THANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 392/THCSNT
V/v công khai học sinh thuộc diện chính sách theo
Nghị định 66/2025/NĐ-CP từ tháng 09 đến
tháng 12 năm 2025

Mường Thanh, ngày 25 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Các tổ chuyên môn, GVCN, văn phòng – phục vụ

Căn cứ Công văn số 2776/SGDDĐT-KHTC ngày 15/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên hướng dẫn quy trình, thủ tục xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên năm học 2025 – 2026;

Căn cứ biên bản họp “v/v thẩm định, xét duyệt hồ sơ học sinh thuộc diện chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 của chính phủ” Từ tháng 09 đến tháng 12 năm 2025, năm học 2025 – 2026. (họp ngày 24/10/2025);

Để đảm bảo tính khách quan, công khai, công bằng và chính xác, Trường THCS Nam Thanh đề nghị các Các tổ chuyên môn, GVCN 13 lớp, văn phòng - phục vụ thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

1. Thông báo, niêm yết công khai danh sách học sinh thuộc diện chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 từ tháng 09 đến tháng 12 năm 2025, năm học 2025 - 2026 (Có danh sách đính kèm). Hình thức công khai: Niêm yết công khai danh sách tại bảng tin và qua Website, các nhóm zalo của đơn vị.

2. Ý kiến của các tập thể, cá nhân về danh sách học sinh thuộc diện chính theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/3/2025 từ tháng 09 đến tháng 12 năm 2025, năm học 2025 - 2026 đề nghị gửi về Hiệu trưởng trong ngày 25/10/2025 để tổng hợp gửi UBND Phường theo quy định.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Tổ trưởng các tổ chuyên môn, GVCN 13 lớp, văn phòng - phục vụ khẩn trương triển khai thực hiện nhằm đảm bảo chế độ, chính sách, quyền lợi của học sinh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Tịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MƯỜNG THANH

TRƯỜNG THCS NAM THANH

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP

Học kỳ I - Từ tháng 09 đến tháng 12 năm 2025. Năm học 2025 - 2026

(Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025)

Đơn vị tính: đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Tổng cộng	Đối tượng thu hưởng		Số tháng được hưởng	Hỗ trợ tiền ăn	Hỗ trợ tiền nhà ở	Thành tiền	Hỗ trợ gạo (15kg/tháng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Tên chủ tài khoản	Mối quan hệ với học sinh hưởng chính sách	Ghi chú
				Hộ nghèo	Thôn bản ĐBKK										
	I. Trường THCS Nam Thanh		12	-	12				62.208.000	720					
1	Nguyễn Thị Hà My	6A2			1	4	936.000	360.000	5.184.000	60	8906205048002	Agribank CN Mường Nhé	Nguyễn Thị Mơ	Mẹ	
2	Võ Gia Hưng	6A3			1	4	936.000	360.000	5.184.000	60	8907205069713	Agribank CN Na Sang - ĐB	Lò Thị Hương	Mẹ	
3	Đào Thị Thảo Nhi	6A3			1	4	936.000	360.000	5.184.000	60	103879361103	Vietinbank CN ĐB	Lường Thị Xuân	Mẹ	
4	Hoàng Nhật Toàn	7A3			1	4	936.000	360.000	5.184.000	60	3620279242	BIDV CN Phong Thổ - Lai Châu	Hoàng Biên Xa	Bố	
5	Đình Thanh Trúc	8A2			1	4	936.000	360.000	5.184.000	60	8907205043183	Agribank CN tỉnh ĐB	Phạm Thị Định	Mẹ	
6	Nguyễn Đức Tú	8A2			1	4	936.000	360.000	5.184.000	60	109880721542	Vietinbank CN ĐB	Vàng Thị Trang	Mẹ	
7	Lường Văn Dương	9A1			1	4	936.000	360.000	5.184.000	60	109874995720	Vietinbank CN ĐB	Nguyễn Thị Linh	Bà	
8	Nguyễn Thị Bảo Yến	9A1			1	4	936.000	360.000	5.184.000	60	107880887563	Vietinbank CN ĐB	Lò Thị Minh	Mẹ	
9	Lường Khánh Linh	9A2			1	4	936.000	360.000	5.184.000	60	102880723807	Vietinbank CN ĐB	Lường Thị Huấn	Mẹ	
10	Quảng Minh Vũ	9A2			1	4	936.000	360.000	5.184.000	60	8900205265480	Agribank CN Mường Thanh	Quảng Văn Thông	Bố	
11	Lường Thị Hằng	9A2			1	4	936.000	360.000	5.184.000	60	6503763319	BIDV CN Điện Biên	Quảng Thị Nam	Mẹ	
12	Lò Anh Minh	9A3			1	4	936.000	360.000	5.184.000	60	3600141657	BIDV CN Điện Biên	Hà Thị Lan Phương	Mẹ	